

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hòa

2. Ông Đinh Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ việc thụ lý số: 126/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Tuấn V; Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Số 145A, ấp K, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn đề ngày 28/6/2023 và trong các bản tự khai, anh Lê Tuấn V và chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Anh V và chị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (Nay là thị trấn T), huyện C, tỉnh Bến Tre ngày 24/6/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên khi chung sống thì luôn xảy ra bất đồng, cuộc sống không hạnh phúc. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Thùy T, sinh ngày 25/8/2009. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V.

Về tài sản và nợ chung: Anh V và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết việc dân sự, anh V có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và đã có đơn đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành là nơi giải quyết việc ly hôn. Trong khi đó, chị T có đơn đề nghị chuyển việc dân sự sang vụ án dân sự để giải quyết. Do đó, Tòa án đã Thông báo chuyển việc dân sự sang vụ án dân sự và giải quyết theo thủ tục chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tuấn V được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Lê Thị Thùy T, sinh ngày 25/8/2009 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Quá trình giải quyết việc dân sự, anh V vắng mặt tại phiên hòa giải (có đơn xin vắng mặt), chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu và có đơn đề nghị chuyển sang vụ án để giải quyết nên căn cứ khoản 4 Điều 397 BLTTDS, Tòa án đã chuyển việc dân sự sang vụ án dân sự để giải quyết theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết việc dân sự, anh V có đơn đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành để giải quyết việc ly hôn. Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 39 BLTTDS, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[3]. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[4]. Anh V đã được thông báo hợp lệ đến phiên hòa giải nhưng vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt) nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[5]. Tại phiên tòa, chị T và anh V vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh V.

[6]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tuấn V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (Nay là thị trấn T), huyện C, tỉnh Bến Tre ngày 24/6/2009 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Việc này, cả anh V và chị T đều thừa nhận và cũng phù hợp với

nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay anh V và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tuấn V được ly hôn.

[7]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Thùy T, sinh ngày 25/8/2009. Hiện nay, cháu đang ở với anh V. Bản thân cháu T cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T và anh V. Giao cháu T cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[8]. Về tài sản: Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[9]. Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tuấn V được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Thùy T, sinh ngày 25/8/2009 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh V.

Chị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0008114 ngày 19/7/2023, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Lê Tuấn V. Chị T và anh V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc